

# Bảng tóm tắt LVTN

## Ngành: Nông học

### Khóa 46 - năm 2024

<b>Tên đề tài</b>	Biến động đặc điểm hình thái nông học và thành phần năng suất của các dòng lai ở thế hệ F <sub>3</sub>
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Trần Thanh Tuyên - B2008789
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Phạm Thị Bé Tư
<b>Tóm tắt</b>	<p>Nghiên cứu sự biến động đặc điểm hình thái nông học và thành phần năng suất của các dòng lai ở thế hệ F<sub>3</sub> được thực hiện nhằm mục tiêu xác định sự biến động về các tính trạng nông học của các cá thể trong quần thể. Từ đó, tuyển chọn các cá thể có mang đặc tính ưu việt về thành phần năng suất và phẩm chất góp phần vào công tác chọn tạo giống lúa mới cũng như đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Thí nghiệm được thực hiện ngoài đồng và phân tích trong phòng thí nghiệm ở vụ Hè Thu năm 2022. Phương pháp đánh giá đặc tính nông học được thực hiện theo tiêu chuẩn TCVN: 2021 và thang điểm đánh giá của IRRI, 2013 bao gồm thời gian sinh trưởng, chiều cao cây, số bông/bụi, chiều dài bông, độ thoát trổ, chiều dài lá cờ, tổng số hạt/bông, số hạt chắc/bông, tỷ lệ hạt chắc, khối lượng 1000 hạt. Sự tương quan giữa các đặc tính nông học, hệ số di truyền và hiệu quả chọn lọc cũng được thực hiện. Kết quả ghi nhận có sự biến động về các đặc tính nông học giữa các cá thể trong quần thể. Kết quả trong tổng số 92 dòng lai, chọn được 11 dòng lai có các đặc tính nông học tốt, thời gian sinh trưởng từ 87 - 94 ngày; chiều cao cây 100,5 cm; số bông/bụi 14 bông; chiều dài bông 25,8 cm; độ thoát trổ 5,6 cm; chiều dài lá cờ 28,5 cm; tổng số hạt 136 hạt; số hạt chắc 95 hạt; tỷ lệ hạt chắc 69,8%; khối lượng 1000 hạt 28,6 gram; khối lượng bụi 22,6 gram. Hiệu quả chọn lọc cao đối với tính trạng độ thoát trổ (42,6%) và tổng số hạt (27,9%), trung bình đối với tính trạng chiều dài lá cờ (9,6%), tỷ lệ hạt chắc (9,5%) và chiều dài bông (8,4%). Kết quả phân tích sự tương quan giữa các đặc tính nông học cho thấy, hầu hết các tính trạng có sự tương chặt và tương quan thuận với nhau, trong đó, tính trạng tổng số hạt có sự tương quan chặt chẽ và tương quan thuận với tính trạng số hạt chắc với hệ số tương quan <math>r = 0.82</math>. Kết quả này làm cơ sở bước đầu cung cấp nguồn vật liệu cho quá trình chọn lọc kế tiếp theo hướng năng suất và chất lượng.</p> <p>Từ khoá: Đặc tính nông học, hiệu quả chọn lọc, tương quan, quần thể F<sub>3</sub>.</p>
<b>Số trang</b>	48 trang

Tên đề tài: “ Đặc tính nông học và chất lượng hạt gạo của quần thể phân ly F2 từ tổ hợp lai MTL859/OM7347”.

Tên cán bộ hướng dẫn: TS. Nguyễn Lộc Hiền.

Tên sinh viên thực hiện: Lê Thị Thu

Nội dung tóm tắt: Lúa (*Oryza sativa*) là cây lương thực quan trọng trên thế giới nói riêng và Việt Nam nói chung, góp phần trong an ninh lương thực và phát triển kinh tế. Có nhiều tác nhân gây thiệt hại cho lúa, trong đó đạo ôn là một trong những bệnh gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng suất lúa. Bệnh đạo ôn do nấm *Pyricularia* gây ra ảnh hưởng đến sinh trưởng, chất lượng và ảnh hưởng nhiều đến năng suất lúa. Vì vậy đề tài “Đặc tính nông học và chất lượng hạt gạo của quần thể phân ly F2 từ tổ hợp lai MTL859/OM7347” được thực hiện nhằm mục đích tìm ra các cá thể có đặc tính nông học tốt và mang gen kháng đạo ôn. Thí nghiệm sử dụng phương pháp đánh giá đặc tính hình thái và nông học của cây bao gồm (thời gian sinh trưởng, chiều cao cây, độ thoát trổ, chiều dài lá cờ, số bông, chiều dài bông, tổng số hạt, số hạt chắc, tỉ lệ hạt chắc, khối lượng 1000 hạt). Kết quả đánh giá 164 cá thể F2 có thời gian sinh trưởng cực ngắn dao động từ 82-89 ngày, chiều cao cây thấp dao động từ 88-107 cm, độ thoát trổ dao động từ 1.4-15.23 cm, chiều dài lá cờ dao động từ 21-46 cm, số bông/bụi dao động từ 6-35 bông, chiều dài bông dao động từ 16.28-28.10 cm, tổng số hạt dao động từ 61.67-231.33 hạt, số hạt chắc dao động từ 14.67-201.33 hạt, tỉ lệ hạt chắc/bông dao động từ 81.42-94.81% và khối lượng 1000 hạt dao động từ 25.68-30.88 g. Trong 164 cá thể F2 chọn được 19 cá thể ưu tú và qua kết quả đánh giá bằng dấu chỉ thị phân tử của 19 cá thể có 16 cá thể mang gen *Pita* kháng đạo ôn và tất cả 19 cá thể ưu tú đều nhận diện được kiểu gen đồng hợp tử *BADH2* đột biến. Như vậy các cá thể này sẽ được tiếp tục trồng ngoài đồng và đánh giá ở thế hệ phân ly kế tiếp.

<b>Tên đề tài</b>	BIẾN ĐỘNG ĐẶC ĐIỂM NÔNG HỌC TRÊN QUẦN THỂ PHÂN LY F3 CỦA TỔ HỢP LAI LÚA CHẤT LƯỢNG ĐÀI THƠM 8/JASMINE85
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Phạm Thị Bé Tư
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Phạm Minh Tú MSSV: B2008790
<b>Tóm tắt</b>	<p>           Đề tài “<b>Biến động đặc tính nông học của quần thể phân ly F3 tổ hợp lai lúa chất lượng Đài Thơm 8/Jasmine 85</b>” được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá được sự biến động về một số đặc tính nông học trên quần thể phân ly F3. Từ đó, chọn được các dòng lúa ưu tú phục vụ cho chọn lọc các dòng lúa chất lượng cao. Nghiên cứu đánh giá các đặc tính nông học được thực hiện ngoài đồng ruộng, vụ Hè Thu 2022. Sự tương quan giữa các tính trạng được thể hiện qua hệ số Pearson. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng sử dụng chỉ thị phân tử trong việc nhận diện gen quy định tính kháng bệnh đạo ôn trên các dòng lúa ưu tú. Kết quả cho thấy trong 80 dòng lai đánh giá có sự biến động về các đặc tính nông học, chẳng hạn như thời gian sinh trưởng, chiều cao cây, chiều dài bông, tổng số hạt/bông, khối lượng 1000 hạt. Từ 80 dòng lai đã chọn ra được 20 dòng lai ưu tú thông qua các chỉ tiêu nông học. Các cá thể ưu tú này được tiếp tục đánh giá gen kháng bệnh đạo ôn sử dụng chỉ thị phân tử RM246 liên kết với gen <i>pit(b)</i>. Kết quả ghi nhận có 8 cá thể thể hiện kích thước băng hình tại vị trí 117bp, mang gen kháng bệnh đạo ôn và cùng kích thước băng hình với giống mẹ là Đài Thơm 8. Kết quả nghiên cứu này làm cơ sở cho việc chọn lọc cá thể có dạng hình ưu tú, chất lượng cao và mang gen kháng bệnh đạo ôn.         </p>

Tên đề tài: **Đặc tính hình thái nông học và kiểu gen quy định hàm lượng amylose thấp trên quần thể F<sub>3</sub>.**

**Cán bộ hướng dẫn:** Phạm Thị Bé Tư

**Sinh viên thực hiện:** Trần Thị Ngọc Mỹ. MSSV: B2008774

**Nội dung tóm lược:**

Ngày nay lúa gạo mang các đặc tính chất lượng đang ngày càng được quan tâm trên thị trường trong và ngoài nước. Do đó, đề tài đánh giá đặc tính hình thái nông học và kiểu gen quy định hàm lượng amylose và mùi thơm của tổ hợp lai Jasmine 85/IR64 ở thế hệ F<sub>3</sub> được thực hiện nhằm chọn ra các dòng lúa ưu tú có đặc tính nông học và mang gen quy định hàm lượng amylose thấp phục vụ cho công tác chọn tạo giống lúa theo hướng gạo chất lượng cao. Nghiên cứu đánh giá đặc tính nông học, thành phần năng suất thực hiện trên 99 cá thể con lai. Bên cạnh đó, những cá thể ưu tú được chọn từ đánh giá kiểu hình được tiếp tục nhận diện kiểu gen quy định hàm lượng amylose thấp và mùi thơm. Kết quả ghi nhận thời gian sinh trưởng dao động từ 80-95 ngày. Chiều cao cây có 58 cá thể lai có chiều cao từ 80-100 cm; chiều dài bông có 52 cá thể có chiều dài >25 cm và chiều dài lá cờ có 25 cá thể có chiều dài lá cờ >28 cm. Về thành phần năng suất, có 13 cá thể có số bông/bụi > 13 bông; 50 cá thể có số hạt chắc > 85 hạt; tỷ lệ hạt chắc có 23 cá thể >70%; khối lượng 1000 hạt có 60 cá thể >28 gram và 7 cá thể có khối lượng bụi >30 gram. Qua đánh giá nông học và thành phần năng suất chọn được 9 cá thể mang các đặc tính mong muốn. Sử dụng dấu chỉ thị phân tử quy định mùi thơm (gen BADH<sub>2</sub>) cho thấy tất cả 9 cá thể con lai đều thể hiện băng hình tại vị trí 257 bp, quy định gen mùi thơm; đánh giá hàm lượng amylose bằng waxy G-T ghi nhận tất cả cá thể lai đều có băng hình 235 bp (kiểu T) cho kết quả amylose thấp. Kết quả này là bước quan trọng trong chương trình chọn tạo giống lúa chất lượng trong tương lai.

**Từ khóa:** *Đặc tính nông học, gen BADH<sub>2</sub>, gen Waxy, quần thể F<sub>3</sub>.*

Tên đề tài “Chọn dòng lúa chất lượng mang gen kháng bạc lá và có tiềm năng năng suất của tổ hợp lai Nàng Hoa 9/ IR64 ở quần thể F<sub>3</sub>”

Cán bộ hướng dẫn: TS. Nguyễn Lộc Hiền

Sinh viên thực hiện: Nguyễn Minh Trường B2008788

Nội dung tóm lược:

### TÓM TẮT

Lúa (*Oryza sativa* L) là một trong những cây trồng quan trọng nhất, là cây lương thực trọng điểm ở Việt Nam, góp một phần lớn cho an ninh lương thực và phát triển nền kinh tế, khai thác tiềm năng về các đặc tính nông học và tính kháng của cây lúa là một phương án hiệu quả trong việc nâng cao năng suất lúa, các phẩm chất của hạt gạo cũng như quản lý bệnh đã và đang được quan tâm. Đề tài “Chọn dòng lúa mang gen kháng bạc lá và có tiềm năng năng suất của tổ hợp lai Nàng Hoa 9/ IR64 ở quần thể F<sub>3</sub>” được thực hiện với mục tiêu xác định sự biến động về đặc tính nông học của cá thể lai so với bố mẹ từ đó chọn lọc ra được các cá thể ưu tú mang đặc tính nông học tốt và mang gen kháng bệnh bạc lá. Trong 108 cá thể lai thế hệ F<sub>3</sub> đã chọn được 20 cá thể ưu tú, các cá thể ưu tú này mang đặc điểm nổi trội như thời gian sinh trưởng trung bình 86 ngày thuộc nhóm cực ngắn ngày (<90 ngày), chiều cao cây trung bình là 99 cm thuộc nhóm trung bình (<110 cm), số bông/bụi lớn hơn 7 bông, chiều dài lá cờ 27,68 cm, chiều dài bông lớn hơn 23 cm và khối lượng 1000 hạt lớn hơn 25 g. Dựa trên chỉ thị phân tử, kết quả đã nhận diện được 13 cá thể mang gen kháng bạc lá, 7 cá thể không mang gen kháng bạc lá và 100% (20 cá thể) đều mang kiểu gen *BADH2* đột biến mùi thơm, kiểu gen *Waxy* hàm lượng amylose thấp và kiểu gen *GS3* chiều dài hạt gạo.

**Từ khóa:** *Oryza sativa* L, gen *BADH2*, gen *Waxy*, gen *GS3*.

<b>Tên đề tài</b>	Đánh giá khả năng chịu mặn của tổ hợp lúa lai Đài Thơm 8/FL478.
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Nguyễn Lê Khương B2008745
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Phạm Thị Bé Tư
<b>Tóm tắt</b>	Đánh giá khả năng chịu mặn của tổ hợp lúa lai Đài Thơm 8/FL478 và năm dòng lai tại Khoa Di Truyền và Chọn Giống Cây Trồng, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ trong điều kiện nhà lưới. Thí nghiệm thừa số hai nhân tố được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên với nhân tố (A) là 2 giống và 5 dòng lai của tổ hợp lai và nhân tố (B) là 3 nồng độ muối (0; 4 và 6‰). Tiến hành thu các chỉ tiêu hình thái, sinh hoá trên cây và đánh giá kiểu gen.

<b>Tên đề tài</b>	Khảo sát khả năng kháng mặn của các dòng lúa F <sub>2</sub> bằng đánh giá hình thái và chỉ thị SSR.
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Trần Thị Mỹ Duyên B2008740
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Phạm Thị Bé Tư
<b>Tóm tắt</b>	Đánh giá khả năng chịu mặn của hai giống lúa và năm dòng của tổ hợp lai Đài Thơm 8 và FL478 bằng đánh giá hình thái và chỉ thị SSR tại Khoa Di truyền và chọn giống cây trồng, trường Nông Nghiệp, trường Đại học Cần Thơ trong điều kiện nhà lưới. Thí nghiệm thừa số hai nhân tố được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên với nhân tố (A) là 2 giống lúa và nhân tố (B) là 3 nồng độ (0, 4‰ và 6‰). Tiến hành thu các chỉ tiêu hình thái/ và sinh hoá trên cây.

<b>Tên đề tài</b>	Chọn dòng lúa mang gen năng suất tiềm năng và có phẩm chất tốt của tổ hợp lai OM7347/Nàng hoa 9.
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Nguyễn Thị Minh Thư, B2008757
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Phạm Thị Bé Tư
<b>Tóm tắt</b>	<p>Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu chọn được các cá thể có đặc tính nông học tốt và có gen năng suất tiềm năng, làm vật liệu cho quá trình chọn lọc kế tiếp. Phương pháp đánh giá đặc tính nông học được thực hiện theo quy chuẩn Việt Nam (QCVN 01-55:2011/BNNPTNT) và thang điểm đánh giá của IRRI (2013) bao gồm thời gian sinh trưởng, chiều cao cây, chiều dài bông, độ thoát trổ, chiều dài lá cờ, khối lượng 1000 hạt, số bông/bụi và tỷ lệ hạt chắc/bông. Hệ số di truyền và hiệu quả chọn lọc của các cá thể trong quần thể được đánh giá. Bên cạnh đó, việc sử dụng chỉ thị phân tử trong việc nhận diện gen quy định năng suất cao của quần thể con lai cũng được đánh giá. Kết quả đánh giá từ 289 cá thể ở thế hệ <math>F_3</math> đã chọn được 50 cá thể ưu tú có thời gian sinh trưởng thuộc nhóm A1 ngắn ngày, chiều cao cây thuộc nhóm thấp (&lt;110 cm), số bông trên bụi (&gt;8 bông), tỷ lệ hạt chắc trên bông &gt; 75%, khối lượng 1000 hạt &gt; 25 g. Hệ số di truyền nghĩa rộng (<math>H^2</math>) ở các tính trạng: chiều dài bông (47,4%), chiều dài lá cờ (35,02%), tổng số hạt (54,08%), tỷ lệ hạt chắc (50,21%) biểu hiện ở mức độ di truyền trung bình; độ thoát trổ (66,72%) có hệ số di truyền cao. Tính trạng có giá trị hiệu quả chọn lọc trung bình (GAM) cao là độ thoát trổ (62,42%), tổng số hạt (24,13%), tỷ lệ hạt chắc (27,74%). Kết quả nhận diện gen quy định năng suất trên 50 cá thể ưu tú được chọn đã nhận diện được 5 cá thể có mang gen quy định năng suất cao và 17 cá thể ở trạng thái dị hợp tử.</p>



<b>Tên đề tài</b>	Chọn dòng lúa kháng rầy nâu và có phẩm chất tốt của tổ hợp lai Korkhor57/Jasmine85
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Ngô Quốc Thái
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Phạm Thị Bé Tư
<b>Tóm tắt</b>	<p>Chọn tạo giống lúa kháng rầy nâu và có phẩm chất tốt là một trong những mục tiêu quan trọng được các nhà chọn giống ưu tiên, do áp lực sâu bệnh hại cũng như nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Đề tài “Chọn dòng lúa kháng rầy nâu và có phẩm chất tốt của tổ hợp lai Korkhor57/Jasmine85” được thực hiện nhằm mục tiêu chọn được các dòng lúa có khả năng kháng rầy nâu và phẩm chất ngon thông qua đánh giá đặc tính hình thái-nông học và chỉ thị phân tử trong việc nhận diện gen quy định mùi thơm, hàm lượng amylose và kháng rầy nâu. Kết quả ghi nhận trong số 221 cá thể từ 40 dòng phân ly ở thế hệ F<sub>3</sub>, chọn lọc được 18 cá thể ưu tú. Về đặc tính nông học có thời gian sinh trưởng từ 92 – 98 ngày thuộc nhóm ngắn ngày, chiều cao trung bình 101,1 cm thuộc nhóm thấp cây, độ thoát trổ trung bình 6,39 cm, chiều dài bông trung bình là 24,77 cm, tỷ lệ hạt chắc trung bình là 67,77%, khối lượng 1000 hạt trung bình là 27,95 g. Hệ số biến thiên kiểu hình PCV đều cao hơn hệ số biến thiên kiểu gen GCV; hệ số di truyền theo nghĩa rộng ở mức trung bình với tất cả các tính trạng; hiệu quả chọn lọc trung bình (GAM) nằm trong khoảng 2,04 đối với chiều dài bông đến 30,2 đối với tổng số hạt. Số các tính trạng giá trị GAM cao (&gt;20%) có tổng số hạt và độ thoát trổ, ở mức trung bình (10 đến 20%) dài lá cờ và tỷ lệ hạt chắc, ở mức giá trị thấp (&lt;10%) chỉ có chiều dài bông. Kết quả đánh giá kiểu gen kháng rầy nâu và phẩm chất cho thấy 3 dòng lai TNN29-3-1-2, TNN29-5-7-2 và TNN29-5-25-4 vừa mang kiểu gen kháng rầy, thơm và mềm cơm. Kết quả là bước đầu chọn tạo những dòng lúa thích hợp và là cơ sở cho công tác chọn giống lúa có phẩm chất tốt mang gen thơm, gen amylose thấp và gen kháng rầy nâu trong tương lai.</p>

<b>Tên đề tài</b>	Chọn lọc các dòng lúa ở thế hệ F <sub>3</sub> (KOR KHOR 57 X JASMINE 85) có năng suất tiềm năng và hàm lượng amylose thấp bằng chỉ thị phân tử
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Phạm Thị Thúy Huỳnh B2001247
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Châu Thanh Nhã
<b>Tóm tắt</b>	Chọn lọc các dòng lúa ở thế hệ F <sub>3</sub> (KOR KHOR 57 X JASMINE 85) có năng suất tiềm năng và hàm lượng amylose thấp bằng chỉ thị phân tử. Thí nghiệm được thực hiện tại Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ, theo kiểu tuần tự không lặp lại. Chọn lọc các dòng lúa có đặc tính nông học nổi trội và sử dụng chỉ thị phân tử để phân tích hàm lượng amylose. Kết quả thu được 20 dòng ưu tú, 6 cá thể có hàm lượng amylose thấp bằng phân tích hàm lượng amylose và 13 cá thể có hàm lượng amylose thấp mang kiểu gen giống bố Jasmine 85 bằng phân tích chỉ thị phân tử.
<b>Tên đề tài</b>	Chọn lọc các dòng lúa ở thế hệ F <sub>3</sub> (KOR KHOR 57 X JASMINE 85) có năng suất tiềm năng và hàm lượng amylose thấp bằng chỉ thị phân tử

<b>Tên đề tài</b>	Tuyển chọn các dòng lúa ở thế hệ F <sub>3</sub> mang tính trạng liên quan trực tiếp đến năng suất bằng chỉ thị phân tử.
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Lương Thị Trúc Mai B2008747
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Châu Thanh Nhã
<b>Tóm tắt</b>	Đánh giá các dòng F <sub>3</sub> mang tính trạng liên quan trực tiếp đến năng suất bằng chỉ thị phân tử. Thí nghiệm được bố trí tại phường Phước Thới, quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ, theo kiểu tuần tự không lặp lại. Chọn lọc các dòng con lai có đặc tính nông học nổi trội và cá thể mang gen quy định số hạt trên bông của quần thể F <sub>3</sub> . Nhận diện gen quy định tính trạng năng suất bằng cách sử dụng chỉ thị phân tử gel <i>Nall</i> . Kết quả chọn được 20 cá thể ưu tú và 3 cá thể có kiểu gen số hạt trên bông giống cây mẹ Nàng Hoa 9.

<b>Tên đề tài</b>	Chọn lọc các dòng lúa thể hệ $F_3$ có năng suất tiềm năng và thời gian sinh trưởng ngắn ngày bằng chỉ thị phân tử.
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Văn Thế Toàn B2001233
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Châu Thanh Nhã
<b>Tóm tắt</b>	Chọn lọc các dòng lúa thể hệ $F_3$ có năng suất tiềm năng và thời gian sinh trưởng ngắn ngày bằng chỉ thị phân tử. Thí nghiệm được bố trí tại Phường Phước Thới, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ, theo kiểu tuần tự không lặp lại. Chọn lọc các dòng con lai có đặc tính nông học nổi trội và thời gian sinh trưởng ngắn ngày bằng chỉ thị phân tử. Phân tích bằng biểu đồ cột về chỉ tiêu nông học và phân tích PCR về kiểu gen HD1-2 quy định thời gian sinh trưởng. Kết quả thu được 4 cá thể con lai thể hệ $F_3$ mang gen của giống IR64 về thời gian sinh trưởng ngắn ngày.

<b>Tên đề tài</b>	Chọn dòng lúa ở quần thể F <sub>3</sub> có tiềm năng năng suất và mang gen kháng bệnh đạo ôn bằng chỉ thị phân tử
<b>Tên sinh viên thực hiện +mssv</b>	Trần Trọng Hữu Mssv B2001218
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Châu Thanh Nhã
<b>Tóm tắt</b>	Chọn dòng lúa có tiềm năng năng suất và mang gen kháng bệnh đạo ôn ở thế hệ F <sub>3</sub> bằng chỉ thị phân tử. Thí nghiệm được bố trí tại Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành Phố Cần Thơ, theo kiểu tuần tự không lặp lại chọn lọc con lai có đặc tính nông học nổi trội và cá thể mang gen kháng bệnh đạo ôn RM72 của quần thể F <sub>3</sub> . Phân tích tương quan các đặc tính nông học của quần thể lai F <sub>3</sub> . Kết quả thu được 20 cá thể ưu tú và 12 cá thể mang gen RM72 giống cây bố Đài Thơm 8.

<b>Tên đề tài</b>	Phân tích hiệu quả chọn lọc và các thông số di truyền liên quan trên quần thể lúa thế hệ $F_3$ (IR64 x MTL372)
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Huỳnh Minh Chánh B2001243
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Châu Thanh Nhã
<b>Tóm tắt</b>	Phân tích hiệu quả chọn lọc và các thông số di truyền liên quan trên quần thể lúa $F_3$ (IR64 x MTL372). Thí nghiệm được bố trí tại phường Phước Thới, quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ, theo tuần tự không lặp lại. Đánh giá 10 chỉ tiêu nông học của 134 cá thể con lai $F_3$ của tổ hợp lai (IR64 x MTL372). Phân tích hiệu quả chọn lọc, nhóm di truyền, hệ số tương quan, hệ số Path của các đặc tính nông học của các dòng lai $F_3$ của tổ hợp lai (IR64 x MTL372). Kết quả thu được 6 cá thể ưu tú có đặc tính nông học nổi trội.

<b>Tên đề tài</b>	Chọn lọc các dòng lúa ở thế hệ F <sub>3</sub> mang gen mùi thơm và chịu mặn bằng chỉ thị phân tử
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Nguyễn Kim Tiên B2008759
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Châu Thanh Nhã
<b>Tóm tắt</b>	Đánh giá các dòng lúa có tiềm năng năng suất ở thế hệ F <sub>3</sub> (ĐT8/FL478) bằng chỉ thị phân tử. Thí nghiệm được bố trí tại phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ theo kiểu tuần tự không lặp lại. Chọn lọc các cá thể mang gen chống chịu mặn QTL <i>Saltol-1</i> bằng cặp mồi RM8070 và các cá thể mang gen quy định mùi thơm <i>BADH2</i> bằng các đoạn mồi ESP, EAP, INSP và IFAP của 16 cá thể lai thế hệ F <sub>3</sub> . Kết quả thu được 8 cá thể mang gen chống chịu mặn QTL <i>Saltol-1</i> giống bố FL478, 5 cá thể mang gen quy định mùi thơm <i>BADH2</i> giống mẹ ĐT8, trong đó có 1 cá thể mang đồng thời gen chống chịu mặn giống bố FL478 và gen quy định mùi thơm giống mẹ ĐT8.

<b>Tên đề tài</b>	Tuyển chọn các dòng lúa năng suất tiềm năng ở thế hệ F <sub>3</sub> (OM7347 x MTL859) bằng chỉ thị phân tử
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Đỗ Hoàng Dự B2008767
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Châu Thanh Nhã
<b>Tóm tắt</b>	Đánh giá các dòng lúa năng suất tiềm năng ở thế hệ F <sub>3</sub> (OM7347 x MTL859) bằng chỉ thị phân tử. Thí nghiệm được bố trí tại Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành Phố Cần Thơ, theo kiểu tuần tự không lặp lại. Chọn lọc các dòng con lai có đặc tính nông học nổi trội và cá thể mang gen quy định khối lượng 1000 hạt TGW6 của quần thể F <sub>3</sub> . Phân tích tương quan thông qua biểu đồ PCA. Kết quả thu được 10 cá thể ưu tú và 4 cá thể mang gen TGW6 giống cây bố MTL859.



<b>Tên đề tài</b>	Phân tích hệ số Path và tương quan ở quần thể lúa F <sub>3</sub> của tổ hợp lai OM7347/MTL859
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Trần Huỳnh Lan Anh B2001210
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Châu Thanh Nhã
<b>Tóm tắt</b>	Phân tích hệ số Path và tương quan ở quần thể lúa F <sub>3</sub> của tổ hợp lai OM7347/MTL859. Thí nghiệm được bố trí tại Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành Phố Cần Thơ, theo kiểu tuần tự không lặp lại. Thí nghiệm xác định hệ số tương quan (r), ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của các đặc điểm nông học đến khối lượng bụi, đồng thời đưa ra nhận xét về các tham số di truyền và sự biến động của các đặc điểm nông học trong quần thể lúa F <sub>3</sub> của tổ hợp lai OM7347/MTL859. Kết quả đã tuyển chọn được 10 cá thể con lai F <sub>3</sub> có những đặc tính nông học nổi trội.

<b>Tên đề tài</b>	Đánh giá và tuyển chọn các dòng lúa ưu tú ở thế hệ F <sub>5</sub> (ĐÀI THƠM 8 x FL478) bằng chỉ thị phân tử
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Trần Hòa Thuận B2008782
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Châu Thanh Nhã
<b>Tóm tắt</b>	<p>Đánh giá các dòng cây lai thế hệ F<sub>5</sub> tổ hợp Đài Thơm 8 x FL478 bằng chỉ thị phân tử. Thí nghiệm được thực hiện tại xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tại thời điểm là vụ Thu Đông 2023, sơ đồ bố trí tuần tự. Đánh giá và chọn lọc các dòng cây lai ưu tú thế hệ F<sub>5</sub> của tổ hợp dựa trên đánh giá các đặc tính nông học, phân tích tương quan các đặc tính nông học và đánh giá kiểu gene quy định tính trạng mùi thơm (<i>BADH2</i>), kiểu gene quy định hàm lượng amylose (<i>Wx</i>) và kiểu QTL chịu mặn (<i>Saltol</i>) bằng RM3412 dựa vào các chỉ thị phân tử. Kết quả thu được 16/29 dòng cây lai có kiểu QTL chịu mặn giống bố (FL478), 21/29 dòng có kiểu gene quy định hàm lượng amylose thấp và 24/29 có kiểu gene đột biến quy định tính trạng mùi thơm của gạo.</p>

<b>Tên đề tài</b>	Đánh giá đặt tính nông học và tính kháng đạo ôn ở quần thể phân ly F <sub>3</sub> của tổ hợp lai MTL859/OM7347
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Mai Thị Huỳnh Như B2008777
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Nguyễn Lộc Hiền
<b>Tóm tắt</b>	<p>Đánh giá đặt tính nông học và tính kháng đạo ôn ở quần thể phân ly F<sub>3</sub> của tổ hợp lai MTL859/OM7347. Thí nghiệm được đánh giá ngoài đồng tại QL91B, phường Phước Thới, Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Thí nghiệm được bố trí ngoài đồng theo thứ tự hoàn toàn ngẫu nhiên. Chọn được các dòng lai có đặc tính nông học tốt và có mang gen kháng bệnh đạo ôn ở thế hệ F<sub>3</sub> bằng chỉ thị phân tử Pita, nhận diện tính trạng mùi thơm BADH2, nhận diện tính trạng chiều dài hạt gạo GS3, nhận diện kiểu gen Waxy hàm lượng amylose thấp. Kết quả thu được 28 cá thể ưu tú và 11 cá thể mang gen kháng đạo ôn trong tổng số 28 cá thể và 100% (28 cá thể) đều mang kiểu gen <i>BADH2</i> đột biến tạo mùi thơm, kiểu gen <i>Waxy</i> hàm lượng amylose thấp và kiểu gen <i>GS3</i> quy định kích thước hạt gạo dài.</p>

Tên đề tài	Ảnh hưởng của độ mặn đất lên sự phát triển cây con và năng suất hạt của sáu giống đậu nành
Tên sinh viên thực hiện + MSSV	Nguyễn Minh Nhã Uyên, B2001238
Tên cán bộ hướng dẫn	TS. Nguyễn Châu Thanh Tùng
Tóm tắt	<p>Nghiên cứu này tập trung vào việc đánh giá ảnh hưởng của đất mặn đối với sự phát triển và năng suất của 6 giống đậu nành khác nhau. Kết quả cho thấy đất mặn không ảnh hưởng đến tỷ lệ nảy mầm trừ giống MTĐ 885-1. Ở giai đoạn sau này của cây, đất mặn làm giảm mạnh chiều cao cây và số lá, nhưng không ảnh hưởng đến chiều dài rễ. Giống HL 09-10 có khả năng chịu mặn tốt hơn và duy trì sinh trưởng và năng suất tốt hơn. Đất mặn cũng ức chế sự phát triển của cây và năng suất hạt. Cháy lá tăng khi độ mặn và thời gian phơi nhiễm tăng. Đặc tính hóa học của đất không thay đổi nhiều qua các giai đoạn.</p>

Tên đề tài: "Đánh giá sự phân ly ở thế hệ F<sub>3</sub> của tổ hợp lai Đài Thơm 8/Jasmine85"

GVHD: TS. Phạm Thị Bé Tư

Tên SV thực hiện: Phạm Đan Trường

**Tóm tắt:** Thực hiện nhằm mục tiêu chọn được các dòng lúa ưu tú có đặc tính nông học tốt và mang gen kháng bệnh đạo ôn. Tương quan giữa các tính trạng được tính toán dựa trên hệ số tương quan Pearson ( $r$ ). Bên cạnh đó, sử dụng chỉ thị phân tử để đánh giá cá thể mang gen kháng bệnh đạo ôn (*pit(b)*). Kết quả đánh giá các đặc tính nông học của các dòng con lai thế hệ F<sub>3</sub> đã chọn được 28 dòng ưu tú trong 63 cá thể F<sub>3</sub>. Kết quả phân tích tương quan giữa các tính trạng cho thấy các tính trạng thể hiện tương quan chặt và tương quan dương. Kết quả sử dụng chỉ thị phân tử RM246 để nhận diện gen quy định kháng bệnh đạo ôn cho thấy, đã nhận diện được có 9 cá thể mang kiểu gen kháng đạo ôn từ 28 cá thể ưu tú. Các cá thể còn lại có kiểu gen tương tự như bố Jasmine85 hoặc ở trạng thái dị hợp tử.

Tên đề tài	Chọn dòng lúa chất lượng mang gen kháng bệnh đạo ôn và có tiềm năng năng suất của tổ hợp lai MTL859/OM7347 ở quần thể F3
Tên sinh viên thực hiện + MSSV	Huỳnh Thị Hải Yến, B2008765
Tên cán bộ hướng dẫn	TS. Nguyễn Lộc Hiền
Tóm tắt	<p>“Chọn dòng lúa chất lượng mang gen kháng bệnh đạo ôn và có tiềm năng năng suất của tổ hợp lai MTL859/OM7347 ở quần thể F3” được thực hiện tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tiến hành thu chỉ tiêu về đặc tính nông học của 65 cá thể từ đó chọn được 13 cá thể ưu tú. Mục tiêu là để chọn được các cá thể F<sub>3</sub> mang gen kháng bệnh đạo ôn, khối lượng 1000 hạt, mang tính thơm và mềm cơm. Kết quả thí nghiệm có 9 cá thể mang gen <i>Pita</i> kháng đạo ôn, 5 cá thể mang gen <i>TGW6</i> quy định khối lượng 1000 hạt, 13 cá thể mang gen <i>Badh<sub>2</sub></i> quy định tính thơm, gen <i>Waxy</i> quy định tính mềm cơm và <i>GS3</i> quy định chiều dài hạt.</p>

Tên đề tài	Đánh giá đặc tính sinh trưởng và năng suất quần thể F <sub>3</sub> của tổ hợp lai Đài Thom 8/MTL442
Tên sinh viên thực hiện + MSSV	Đỗ Nguyễn Gia Khang , B2008771
Tên cán bộ hướng dẫn	PGS. TS Huỳnh Kỳ
Tóm tắt	<p>Thông qua các phương pháp đánh giá các chỉ tiêu nông học, hệ số tương quan, đa dạng di truyền và hiệu quả chọn lọc. Kết quả đã chọn được 18 cá thể con lai có kiểu hình lý tưởng trong tổng số 169 cá thể trong quần thể F<sub>3</sub>, nhận thấy hệ số biến thiên kiểu hình cao hơn hệ số biến thiên kiểu gen ở hầu hết các tính trạng, vì thế có thể thấy được chiều dài bông, chiều dài lá cờ, tổng số hạt và tỷ lệ hạt chắc chịu tác động của yếu tố môi trường.</p> <p>Đồng thời cho thấy 3 đặc tính: Tổng số hạt có PCV= 21,5; GCV= 14,5 và hệ số di truyền trung bình ở mức 45% với hiệu quả chọn lọc trung bình 20,27%, Số hạt chắc có PCV= 29,5; GCV= 20,42 và hệ số di truyền ở mức 47% với hiệu quả chọn lọc trung bình là 29% và tính trạng Độ thoát trở có PCV=7,3; GCV= 5,5 và hệ số di truyền ở mức cao là 55% với hiệu quả chọn lọc trung bình là 8,4%.</p> <p>Các số trên cho biết phương sai kiểu hình và phương sai kiểu gen do lường sự biến đổi của đặc điểm nông học trong quần thể cây trồng còn hệ số di truyền cao thì có khả năng di truyền mạnh từ thế hệ này sang thế hệ khác và hiệu quả chọn thì cho biết tỉ lệ thành công cho khả năng cải thiện đặc điểm nông học đó.</p>

Comment [kd1]:

<b>Tên đề tài</b>	Đặc tính hình thái, nông học và chất lượng hạt gạo của con lai F1 từ tổ hợp lai MTL859/OM7347.
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Nguyễn Kim Ngọc B2001225
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Nguyễn Lộc Hiền
<b>Tóm tắt</b>	<p>Đặc tính hình thái, nông học và chất lượng hạt gạo của con lai F1 từ tổ hợp lai MTL859/OM7347. Thí nghiệm được bố trí tại nhà lưới thuộc trường Nông Nghiệp, trường Đại học Cần Thơ. Thí nghiệm được bố trí theo chậu, mỗi chậu trồng 4 cá thể F1 và được đánh số theo thứ tự. Các cây bố mẹ được trồng cùng thời điểm, vào mỗi chậu 4 cây, để dễ dàng quan sát và đánh giá. Dùng chỉ thị phân tử để nhân diện được 8 các cá thể lai F1. Khảo sát 12 đặc tính hình thái, nông học. Phân tích kiểu gen <i>Pita</i> kháng bệnh đạo ôn, kiểu gen <i>BADH2</i> đột biến mùi thơm, kiểu gen <i>Waxy</i> kiểm soát tính trạng mềm cơm và gen <i>TGW6</i> quy định tính trạng khối lượng 1000 hạt. Kết quả đã nhận diện được 8 cá thể lai F1 đều mang gen <i>Pita</i> kháng bệnh đạo ôn, kiểu gen <i>BADH2</i> đột biến mùi thơm, kiểu gen <i>Waxy</i> kiểm soát tính trạng mềm cơm và gen <i>TGW6</i> quy định khối lượng 1000 hạt.</p>



Tên đề tài: "Chọn dòng lúa chất lượng mang gen kháng bệnh đạo ôn và có tiềm năng năng suất trên quần thể F<sub>3</sub> của tổ hợp lai Nàng Hoa 9/ IR64 ở quần thể F<sub>3</sub>".

Cán bộ hướng dẫn: TS. Nguyễn Lộc Hiền

Sinh viên thực hiện: Nguyễn Hà Vinh B2008791

Nội dung tóm lược:

### TÓM TẮT

Bệnh đạo ôn là bệnh quan trọng bậc nhất Đồng bằng sông Cửu Long và là một trong những dịch hại nguy hiểm làm ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng hạt lúa. Thông thường, để quản lý bệnh đạo ôn thường phun thuốc bảo vệ thực vật để làm hạn chế tình trạng bệnh nhưng thời gian dài sẽ làm môi trường ô nhiễm và tốn nhiều chi phí. Từ đó việc chọn ra một giống lúa có những kiểu hình ưu tú vừa mang gen kháng bệnh đạo ôn vừa có tiềm năng về năng suất là một điều đáng quan tâm và đầu tư hơn. Đề tài: "Chọn dòng lúa chất lượng mang gen kháng bệnh đạo ôn và có tiềm năng năng suất trên quần thể F<sub>3</sub> của tổ hợp lai nàng hoa 9/IR64" được thực hiện nhằm mục đích chọn được các dòng lai có đặc tính nông học tốt, hạt gạo chất lượng và mang gen kháng bệnh đạo ôn. Thông qua phương pháp đánh giá bằng các chỉ tiêu nông học và kiểu gen quy định tính kháng đạo ôn. Kết quả chọn được 20 cá thể trong số 57 cá thể trong quần thể thế hệ F<sub>3</sub>. Những đặc điểm nổi trội của các dòng lai ưu tú như: thời gian sinh trưởng cực ngắn ngày dao động từ 82 – 91 ngày, chiều cao cây dao động từ 80,5 cm – 120 cm, số bông/bụi dao động từ 6 – 20 bông, chiều dài bông dao động từ 21,53 cm – 31,67 cm, độ thoát cổ bông dao động từ 1,5 cm – 9,8 cm, chiều dài lá cờ từ 20,2 cm – 36,5 cm, tổng số hạt/bông dao động từ 87 hạt – 236 hạt, tỷ lệ hạt chắc/bông từ 51,6% - 79,2 %, khối lượng 1000 hạt dao động từ 15,5 g – 32,8 g và khối lượng bụi trung bình dao động từ 10,3 g – 31,6 g. Dựa trên chỉ thị phân tử, kết quả đã nhận diện được 6 cá thể mang gen kháng đạo ôn và 100% cá thể ưu tú đều mang kiểu gen *BADH2* đột biến tạo mùi thơm, kiểu gen *Waxy* hàm lượng amylose thấp và kiểu gen *GS3* chiều dài hạt gạo dài. Đây là nguồn vật liệu tốt để phát triển giống và phục vụ cho công tác chọn tạo giống ở thế hệ tiếp theo.

**Từ khóa:** Chọn dòng lúa F<sub>3</sub>, gen *Pita*, gen *BADH2*, gen *WAXY*, gen *GS3*.

# ẢNH HƯỞNG CỦA HỖN HỢP GIÁ THỂ LÊN NĂNG SUẤT CỦ VÀ HÀM LƯỢNG TINH DẦU GỪNG (*Zingiber officinale*) TRỒNG TRONG BAO VỚI ĐIỀU KIỆN TƯỚI NƯỚC 750 ML/BAO

NGƯỜI HƯỚNG DẪN:

SINH VIÊN THỰC HIỆN:

TS. LƯU THÁI DANH

HỒ DUY THẮNG

## TÓM TẮT

Gừng là một loại gia vị, một loại cây được sử dụng trong y học cổ truyền để chống lại các bệnh khác nhau vì có nhiều đặc tính khác nhau (kháng khuẩn, chống oxy hóa, chống viêm, chống đông máu). Giá thể đóng vai trò quan trọng để cây phát triển trong hệ thống nuôi cấy không cần đất. Do bản chất của chất nền có thể đóng vai trò quan trọng trong việc xác định lượng nước và chất dinh dưỡng cho cây trồng và do đó có thể ảnh hưởng đến quá trình trao đổi chất liên quan đến quá trình tổng hợp các hợp chất sinh hóa cụ thể. Đề tài được thực hiện để xác định tỷ lệ phối trộn của các loại giá thể (cát, trấu, tro trấu, phân gà) cho năng suất củ và hàm lượng tinh dầu cao nhất. Các nghiệm thức được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên (RCBD) với 9 nghiệm thức và 5 lần lặp lại. Sau 8 tháng trồng gừng được thu hoạch và củ gừng đem đi ly trích tinh dầu. Tinh dầu gừng được ly trích bằng phương pháp chưng cất lôi cuốn hơi nước, thành phần hóa học của tinh dầu gừng được phân tích bằng sắc ký khí ghép khối phổ (GC-MS) và sắc ký khí (GC). Kết quả thí nghiệm cho thấy ở NT7 cho năng suất củ cao nhất (1172g/bao) so với các nghiệm thức khác, môi trường có lượng trấu nhiều cho thấy sinh trưởng tốt so với môi trường chứa nhiều tro trấu và phân gà. Khối lượng tinh dầu nhiều nhất tương ứng với NT 8 (2,7g) tinh dầu và ít nhất tương ứng với NT 2 với (2,28g) tinh dầu, NT7 thu được (2,7g) tinh dầu. Thành phần hóa học trong tinh dầu gồm 12 chất chính trong đó chất Linalool,  $\alpha$ -Zingiberene,  $\beta$ -Bisabolene chiếm lượng lớn trong tinh dầu gừng lần lượt là 16,8%, 11,6% và 16,5%. Nghiệm thức 7 với cho năng suất củ và lượng tinh dầu cao hơn các NT khác (1172g/bao, 2,7g tinh dầu), vậy ta có thể trồng gừng với tỷ lệ giá thể (26,6% trấu, 6,7% tro trấu, 6,7% phân gà) để làm tăng năng suất củ và khối lượng tinh dầu củ gừng ly trích.

Từ khóa: gừng, vật liệu trồng, năng suất

# ẢNH HƯỞNG CỦA HỖN HỢP GIÁ THỂ LÊN NĂNG SUẤT CỦ VÀ HÀM LƯỢNG TINH DẦU GỪNG (*Zingiber officinale*) TRỒNG TRONG BAO VỚI ĐIỀU KIỆN TƯỚI NƯỚC 1250 ML/BAO

NGƯỜI HƯỚNG DẪN:

SINH VIÊN THỰC HIỆN:

TS. LƯU THÁI DANH

TRẦN TÀI ĐỨC

## TÓM TẮT

Gừng nổi tiếng với nhiều giá trị dinh dưỡng, nó chứa nhiều hợp chất khác nhau, chẳng hạn như zingiberene, tinh dầu gừng, protein, axit amin và đường. Các hợp chất này thể hiện một loạt các hoạt tính sinh học, chống oxy hóa, chống viêm và kháng khuẩn đến hoạt động điều hòa miễn dịch. Ngày nay nông dân có xu hướng trồng gừng trong bao để dễ quản lý các loại dịch bệnh hại và dễ dàng theo dõi đánh giá năng suất nhằm nâng cao chất lượng của cây gừng. Do đó đề tài thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của các loại giá thể đến sinh trưởng và năng suất, hàm lượng tinh dầu của củ gừng và thành phần hóa học trong tinh dầu gừng (*Zingiber officinale*). Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên (RCBD), gồm 9NT: NT1 (60% cát, 0% trấu, 20% tro trấu, 20% phân gà), NT2 (Cát 60%, 6.7% trấu, 6.7% tro trấu, 26.6% phân gà), NT3 (Cát 60%, 6.7% trấu, 26.6% tro trấu, 6.7% phân gà), NT4 (Cát 60%, 13.3% trấu, 13.3% tro trấu, 13.3% phân gà), NT5 (Cát 60%, 20% trấu, 0% tro trấu, 20% phân gà), NT6 (Cát 60%, 20% trấu, 20% tro trấu, 0% phân gà), NT7 (Cát 60%, 26.6% trấu, 6.7% tro trấu, 6.7% phân gà), NT8 (100% cát), NT9 (100%trấu). Mỗi nghiệm thức có 5 lần lặp, mỗi lần lặp bao gồm 1 bao, 1 bao chứa 3 hom gừng. Gừng được thu hoạch sau 8 tháng trồng, tinh dầu gừng được ly trích bằng phương pháp chưng cất lôi cuốn hơi nước. Thành phần hóa học của tinh dầu được phân tích bằng sắc ký khí ghép khối phổ (GC-MS) và sắc ký khí (GC). Kết quả cho thấy NT2 có khả năng sinh trưởng, phát triển và cho năng suất tốt nhất với khối lượng củ là 1173 (g/bao) ngược lại với NT8 (100% cát) có năng sinh trưởng, phát triển và cho năng suất thấp nhất với khối lượng củ chỉ đạt 339 (g/bao). Năng suất củ của gừng tỉ lệ nghịch với phần trăm của tro, phần trăm của tro trong giá thể càng cao thì càng giảm năng suất của gừng ngược lại phần trăm phối trộn giá thể của phân gà và trấu tỉ lệ thuận với năng suất của củ. NT8 có hàm lượng tinh dầu cao nhất là 3,45 (%) và NT2 có hàm lượng tinh dầu thấp nhất 2,27 (%). Giá thể khác nhau ảnh hưởng đến khả năng sinh trưởng và năng suất của gừng trồng bao, NT2 là nghiệm thức phù hợp nhất để trồng gừng trong bao (cho năng suất củ cao nhất). Có 12 thành phần hóa học chính trong tinh dầu gừng ở 9 NT bao gồm: 1,8 - Cineole, Linalool,  $\alpha$ -terpineol, Neral, Geraniol, Germacrene D,  $\alpha$ -Zingiberene,  $\alpha$ -Farnesene,  $\beta$ -Bisabolene,  $\beta$ -Sesquiphellandrene, Nerolidol. Trong đó chất Linalool 17,30%,  $\alpha$ -Zingiberene 11,46%,  $\beta$ -Bisabolene 15,19%, chiếm lượng lớn trong tinh dầu gừng.

Từ khóa: gừng, vật liệu trồng, năng suất

Tên đề tài	Khả năng chịu mặn của ba giống đậu nành nhập nội AGS 85, Ankur và VX 87-09-1 trên nền đất mặn
Tên sinh viên thực hiện + MSSV	Nguyễn Thị Anh Thư, B2008783
Tên cán bộ hướng dẫn	TS. Nguyễn Châu Thanh Tùng
Tóm tắt	<p>Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá khả năng nảy mầm, sự phát triển cây con và tính chịu mặn của ba giống đậu nành nhập nội AGS 85, Ankur và VX 87-09-1 trên nền đất mặn <math>EC_e \approx 5,65</math> dS/m và <math>EC_e \approx 6,87</math> dS/m. Trong đó, giống MTĐ 176 và FH 92- 3 lần lượt là giống đối chứng mặn cảm và đối chứng chịu mặn trong nghiên cứu. Đất mặn sử dụng trong thí nghiệm có nguồn gốc là đất trồng đậu nành được tưới nước mặn theo nồng độ 0, 4 và 6‰. Kết quả nghiên cứu cho thấy đất mặn chưa ảnh hưởng đến tỷ lệ nảy mầm của các giống đậu nành nhưng làm giảm sinh trưởng, khả năng tạo sinh khối và chỉ số SPAD. Ngược lại, chỉ số cháy lá (LSS) tương quan thuận với độ mặn đất và thời gian phơi nhiễm mặn. Trong đó, giống AGS 85 và MTĐ 176 mất hoàn toàn năng suất. Hai giống VX 87-09-1 và Ankur vẫn duy trì được sinh trưởng, thành phần năng suất và năng suất hạt (&lt;50% so với nghiệm thức đất đối chứng không mặn). Qua đó cho thấy, VX 87-09-1 và Ankur có khả năng chịu mặn cao hơn AGS 85.</p>

<b>Tên đề tài</b>	Ly trích pectin từ vỏ cam sành bằng phương pháp lôi cuốn hơi nước có hỗ trợ vi sóng ( <i>Citrus nobilis Lour</i> )
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Châu Nhật Tài B1701009
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Lưu Thái Danh
<b>Tóm tắt</b>	<p>Khảo sát ảnh hưởng của điều kiện ly trích pectin từ vỏ cam sành bằng phương pháp lôi cuốn hơi nước có hỗ trợ vi sóng (<i>Citrus nobilis Lour</i>). Tiến hành lần lượt hai thí nghiệm.</p> <p>-Thí nghiệm 1: khảo sát ảnh hưởng pH đến hiệu suất thu hồi và hàm lượng pectin.</p> <p>Thí nghiệm được bố trí ngẫu nhiên gồm 1 nhân tố (nhân tố A: nồng độ acid citric trong dung dịch ly trích g/L) với bốn nghiệm thức và ba lần lặp lại tương ứng với bốn nồng độ acid citric là 0, 0.11, 0.33, 0.55. Chỉ tiêu phân tích gồm hiệu suất thu hồi và hàm lượng pectin, chỉ số DE.</p> <p>-Thí nghiệm 2: Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ cồn tủa đến hiệu suất thu hồi và hàm lượng pectin.</p> <p>Thí nghiệm được bố trí ngẫu nhiên gồm 1 nhân tố (nhân tố B: tỷ lệ dịch trích-cồn) với năm nghiệm thức và ba lần lặp lại tương ứng với tỷ lệ dịch trích lần lượt là 1:2, 1:3, 1:4, 1:5, 1:6. Chỉ tiêu phân tích gồm hiệu suất thu hồi, màu sắc, hàm lượng pectin, chỉ số DE.</p>

<b>Tên đề tài</b>	Chọn lọc dòng chất lượng và năng suất cao từ quần thể F <sub>5</sub> của tổ hợp lai ST25/JASMINE85
<b>Tên sinh viên thực hiện</b>	Trần Thị Nhật Băng
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	PGS.TS. Huỳnh Kỳ
<b>Tóm tắt</b>	<p>Hướng đến chọn ra một số dòng lúa thí nghiệm có năng suất cao, phẩm chất tốt, phù hợp với thị yếu của người tiêu dùng về hình dạng hạt gạo và một số đặc tính khác. Các dòng con lai từ bài nghiên cứu chủ yếu đánh giá về 3 chỉ tiêu nông học, 5 chỉ tiêu thành phần năng suất, 5 chỉ tiêu chất lượng với mục đích để chọn ra các cá thể ưu tú chất lượng và năng suất cao. Qua kết quả đánh giá 28 cá thể của tổ hợp lai ST25/JASMINE85 ở thế hệ F<sub>5</sub> cho thấy có 3 cá thể ưu tú có đặc tính nông học và chất lượng phù hợp với công tác chọn tạo giống. Cá thể đầu tiên là TNN23-1-6-3-2-4 có thời gian sinh trưởng (TGST) là 100 ngày, chiều cao cây 115 cm, trung bình hạt chắc/bông 165 hạt, tỷ lệ hạt chắc 69,45%, khối lượng hạt/bụi 44,3 g, khối lượng 1000 hạt là 28,63 g, thuộc dạng hạt thon dài, có hàm lượng amylose (AC) rất thấp 11,72%, độ bền gel (GC) là 85 mm và độ bạc bụng cấp 0. Cá thể thứ hai là TNN23-3-18-5-6-2 có TGST 100 ngày, chiều cao cây 106 cm, trung bình hạt chắc/bông 170,66 hạt, tỷ lệ hạt chắc 76,11%, khối lượng hạt/bụi 28 g, khối lượng 1000 hạt 28,27 g, thuộc dạng hạt thon dài, có AC thấp 13,56%, GC là 59,0 mm và độ bạc bụng cấp 0. Cá thể thứ ba là TNN23-3-18-5-3-1 có TGST là 98 ngày, chiều cao cây 114,7 cm trung bình hạt chắc/bông 156,7 hạt, tỷ lệ hạt chắc 77,6%, khối lượng hạt/bụi 21,8 g, khối lượng 1000 hạt 27,1 g, thuộc dạng hạt thon dài, có AC thấp 13,6%, GC mềm là 63,5 mm và độ bạc bụng cấp 0.</p>

Tên đề tài	Khảo sát khả năng sinh trưởng và phát triển của 3 giống lúa rẫy trên đất rẫy ở Bình Tân, Vĩnh Long
Tên cán bộ hướng dẫn	PSG. TS. Huỳnh Kỳ
Tên sinh viên thực hiện + MSSV	Trương Minh Tuấn, B2001236
Tóm tắt	<p>Hiện nay, tình trạng hạn hán dẫn đến thiếu nước phục vụ cho nông nghiệp đang gia tăng, làm giảm đáng kể diện tích lúa. Đề tài được thực hiện, nhằm tìm ra giống lúa rẫy có thể phù hợp cho canh tác ở Đồng Bằng Sông Cửu Long trong điều kiện hạn chế sử dụng nước. Thí nghiệm được bố trí trên nền đất rẫy với diện tích 500m<sup>2</sup> cho mỗi giống lúa thí nghiệm. Kết quả thí nghiệm chọn được giống: Khẩu Hút Lài có thời gian sinh trưởng thuộc nhóm ngắn ngày, có chiều cao cây trung bình 150 cm, có năng suất cao, chất lượng tốt thuộc nhóm mềm cơm (hàm lượng amylose dưới 12%, độ bền thể gel 100 mm, nhiệt trở hồ thuộc cấp 6) và giống Ba Quolang có thời gian sinh trưởng cực ngắn ngày, chiều cao cây trung bình 115 cm, có chất lượng tốt (thuộc nhóm mềm cơm, dạng hạt thon dài, hàm lượng amylose dưới 12%, độ bền gel 55 mm, nhiệt trở hồ cấp 1) phù hợp với nhu cầu chọn giống hiện nay. Bên cạnh đó kết quả ứng dụng chỉ thị SSR cũng cho thấy giống Khẩu Hút Lài và Ba Quolang đều mang kiểu gen liên kết với các QTL (<i>qDTY1.1</i>, <i>qDTY2.1</i>, <i>QRsf9</i>) có khả năng chống chịu với điều kiện khô hạn và khả năng cho năng suất cao. Kết quả này giúp Đồng Bằng Sông Cửu Long ứng phó với việc thiếu nguồn nước cho canh tác lúa trong tương lai.</p>

Nguyễn Hoài Thương, 2024. Luận văn này với đề tài là “**Cải thiện thành phần năng suất của giống lúa HNOE1 bằng lai tạo với giống lúa TC26**”. Luận văn tốt nghiệp kỹ sư ngành Nông học, Khoa di truyền và chọn giống cây trồng, trường Nông Nghiệp, trường Đại học Cần Thơ. Cán bộ hướng dẫn PGS.TS. Huỳnh Kỳ.

## TÓM TẮT

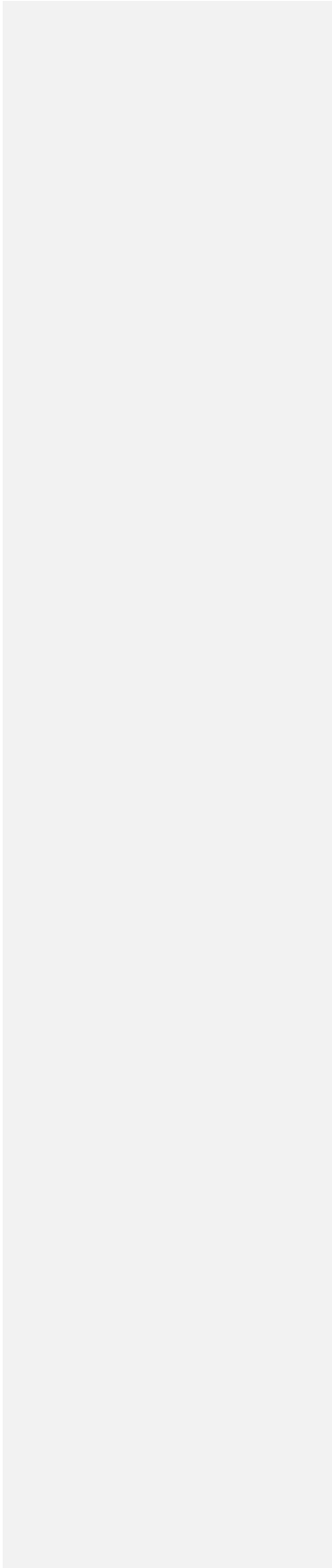
Nhằm mục đích chọn được các cá thể cây lai F1 có tiềm năng năng suất và làm cơ sở cho việc chọn lọc ở các thế hệ sau, đề tài đã được tiến hành. Thí nghiệm được thực hiện tại nhà lưới và phòng thí nghiệm của Khoa Di Truyền và Chọn giống Cây Trồng, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ. Nghiên cứu gồm 2 giống lúa bố mẹ và 43 cá thể cây lai thế hệ F1 của tổ hợp TNN51 (HNOE1/TC26), được bố trí trồng trong chậu (4 cá thể/chậu). Nhận diện các cá thể cây lai F1 dị hợp tử được thực hiện bằng phương pháp sử dụng chỉ thị phân tử microsattelite (SSR), với 3 con mỗi RM164, RM206 và RM276 và đánh giá các đặc điểm hình thái và đặc tính nông học của 43 cá thể cây lai F1 của tổ hợp lai TNN51. Kết quả đã nhận diện được 43 cá thể F1 dị hợp tử bằng phương pháp sử dụng chỉ thị phân tử và 12 cá thể có đặc tính nông học ưu tú và vượt trội hơn so với 2 giống bố mẹ với TGST 97 ngày, chiều cao cây dao động từ 107,3-126,4 cm, chiều dài bông dao động từ 24,5-26,6 cm, tổng số hạt/bông dao động từ 105-165 hạt, số hạt chắc/bông dao động từ 78-137 hạt, tỷ lệ hạt chắc dao động từ 70,2-85,7%, khối lượng gam/bụi dao động từ 7,73-34,95 g. Các cá thể này sẽ là nguồn vật liệu tốt cho quá trình chọn lọc ở các thế hệ tiếp theo.

**Từ khóa:** cá thể cây lai F1, hình thái, nông học, thành phần năng suất, chỉ thị phân tử.



Tên đề tài	CHỌN LỌC DÒNG LÚA NẾP ( <i>Oryza sativa</i> L.) THỂ HỆ F2 CÓ ĐẶC TÍNH NÔNG HỌC TỐT VÀ NĂNG SUẤT ƯU TÚ CỦA TỔ HỢP LAI NẾP ĐỎ/BLÀU SÁNG RÂU
Tên cán bộ hướng dẫn	ThS. Huỳnh Như Điền
Tên sinh viên thực hiện + MSSV	Lê Nguyễn Anh Duy, B2001215
Nội dung tóm lược	<p>Đề tài thực hiện thông qua việc so sánh các đặc điểm hình thái, đặc tính nông học thông qua giống lúa nếp bố mẹ cùng 88 dòng cây lai thuộc tổ hợp TNN62 nhằm chọn lọc dòng lúa nếp (<i>Oryza sativa</i> L) thế hệ F2 có đặc tính nông học tốt và năng suất ưu tú của tổ hợp lai Nếp Đỏ/Blau Sáng Râu. Các giống bố mẹ cùng các dòng cây lai được cấy thí nghiệm ở vụ Đông Xuân 2022-2023 tại xã Nguyễn Văn Thành, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Phương pháp bố trí nghiệm thức thí nghiệm theo dòng, theo thứ tự dòng. Các đánh giá về đặc tính nông học, thành phần năng suất, chất lượng hạt được thực hiện tại phòng thí nghiệm Di truyền-Chọn giống cây trồng thuộc Trường Nông Nghiệp - Trường Đại Học Cần Thơ (Khu II). Kết quả ghi nhận được cây lai F2 có một số dòng cây lai có đặc tính nổi trội như: độ thoát trở tốt, thời gian sinh trưởng thuộc nhóm dài ngày là 110-120 ngày, chiều dài lá cờ trung bình 33,16 cm, chiều cao cây trung bình 131,08 cm, số bông/bụi trung bình 14 bông, chiều dài bông trung bình 25,29 cm, số hạt chắc/bông trung bình 138 hạt, khối lượng 1.000 hạt trung bình 24,62 gam, khối lượng bụi trung bình 33,67 gam, tổng số hạt/bông trung bình 180 hạt. Đã tuyển chọn được 26 dòng lúa nếp ưu tú thông qua các đặc tính nông học, năng suất so với giống lúa nếp làm bố mẹ.</p> <p><b>Từ khóa:</b> năng suất, nông học, phân</p>

	<i>ly F2, giống lúa nếp</i>
--	-----------------------------



Tên đề tài: "Tuyển chọn dòng lúa nếp than (*Oryza sativa* L.) có hàm lượng anthocyanin cao ở thế hệ phân ly F<sub>2</sub> của tổ hợp lai Nếp tím thơm/Nếp cẩm"

Cán bộ hướng dẫn: ThS. Huỳnh Như Điền

Sinh viên thực hiện: Lê Văn Nghĩa B2001254

Nội dung tóm lược:

### TÓM TẮT

Chọn tạo giống lúa nếp có chất lượng, đạt năng suất cao và đồng thời giống lúa nếp có hàm lượng anthocyanin cao là một trong những mục tiêu của nhà chọn giống luôn quan tâm. Đề tài "TUYỂN CHỌN DÒNG LÚA NẾP THAN (*Oryza sativa* L.) CÓ HÀM LƯỢNG ANTHOCYANIN CAO Ở THẾ HỆ PHÂN LY F<sub>2</sub> CỦA TỔ HỢP LAI NẾP TÍM THƠM/NẾP CẨM" được thực hiện nhằm tìm ra các dòng lúa nếp ưu tú về đặc tính nông học, năng suất và đồng thời có hàm lượng anthocyanin cao di truyền từ hai giống lúa nếp làm cha mẹ. Thí nghiệm được thực hiện trên đồng ruộng, từ quần thể phân ly ở thế hệ F<sub>2</sub> thuộc tổ hợp lai Nếp tím thơm/Nếp cẩm. Thí nghiệm sử dụng phương pháp đánh giá đặc tính hình thái, nông học theo IRRI 2013 và sử dụng dấu chỉ thị phân tử để đánh giá kiểu gen kiểm soát tính trạng màu sắc hạt gạo, phân tích hàm lượng anthocyanin dựa trên phương pháp của Ghasemzadeh *et al.*, 2018 và có hiệu chỉnh. Kết quả từ 68 dòng phân ly ở thế hệ F<sub>2</sub>, đánh giá chọn được 17 dòng ưu tú về đặc tính nông học (thời gian sinh trưởng dao động 95 đến 105 ngày, chiều cao cây các dòng lúa nếp đa số cao hơn giống nếp bố mẹ, số bông/bụi dao động từ 8 - 34 bông, chiều dài bông dao động từ 21 - 32 cm, độ thoát trổ bông 0 - 16 cm, chiều dài lá cờ dao động từ 24,03 - 48,07 cm, tổng số hạt dao động từ 94 - 267 hạt, số hạt chắc trên bông dao động 38 - 229 hạt, trung bình khoảng 130 hạt, khối lượng 1000 dao động từ 22 - 23g). Đánh giá hàm lượng anthocyanin đã xác định được dòng TNN70-3-1, TNN70-9-1, TNN70-9-2, TNN70-9-3, TNN70-12-1, TNN70-12-3, TNN70-19-2, TNN70-29-3, TNN70-32-2, TNN70-32-4, TNN70-33-3 có hàm lượng anthocyanin cao hơn cả bố và mẹ.

**Từ khóa:** dòng phân ly F<sub>2</sub>, nông học, anthocyanin, nếp than

Tên đề tài: "Cải tiến đặc tính khối lượng 1.000 hạt trên quần thể phân ly F<sub>2</sub> từ tổ hợp lai NV24/TC26 của cây lúa (*Oryza sativa* L.)"  
Cán bộ hướng dẫn: Ths. Huỳnh Như Điền  
Sinh viên thực hiện: Phạm Hoàng Bảo B2001212  
nội dung tóm lược:

### TÓM TẮT

Chọn tạo giống lúa có chất lượng, đạt năng suất cao và đồng thời giống khối lượng 1.000 hạt cao, hạt dài là một trong những mục tiêu của nhà chọn giống luôn quan tâm. Đề tài "Cải tiến đặc tính khối lượng 1.000 hạt trên quần thể phân ly F<sub>2</sub> từ tổ hợp lai NV24/TC26 của cây lúa (*Oryza sativa* L.)" được thực hiện nhằm tìm ra các dòng lúa có đặc tính nông học tốt cũng như khối lượng 1.000 hạt và hạt dài như giống lúa làm cha mẹ. Thí nghiệm được thực hiện trên đồng ruộng vụ Đông Xuân 2022-2023, bố trí thuần tự theo thứ tự dòng lai, áp dụng phương pháp đánh giá đặc tính hình thái và nông học (chiều cao cây, chiều dài lá cờ, chiều dài bông, số bông/buội, số hạt/bông, khối lượng 1.000 hạt, khối lượng buội...), đánh giá chiều dài hạt, chiều rộng hạt, kích thước hạt theo IRRI (2013) từ tổ hợp lai (NV24/TC26). Kết quả từ 266 dòng phân ly thế hệ F<sub>2</sub> đánh giá chọn được 65 dòng ưu tú về khối lượng 1.000 hạt từ 24 g đến 35,05 g (đạt tỷ lệ 24,43%). Đã cải thiện khối lượng 1.000 hạt so với giống lúa mẹ NV24. Thông qua đặc tính nông học, kích thước và hình dạng hạt đã tuyển chọn 5 dòng ưu tú có khối lượng 1.000 hạt cao, hạt rất dài trên 7mm: TNN75-2-14 (7,6 mm), TNN75-5-18 (7,8 mm), TNN75-10-11 (7,7 mm), TNN75-17-10 (7,6 mm) TNN75-20-7 (7,7 mm).

**Từ khóa:** năng suất, khối lượng 1.000 hạt, nông học, phân ly F<sub>2</sub>

Tên đề tài, " Chọn lọc dòng lúa TNN55 (*Oryza sativa* L.) thế hệ  $F_2$  có đặc tính nông học tốt và năng suất cao của tổ hợp lai Lứt tím 2/Lứt tím 10".

Cán bộ hướng dẫn: ThS. Huỳnh Như Điền

Sinh viên thực hiện: Bùi Hoàng Phúc B2008752

Nội dung tóm lược:

## TÓM TẮT

Việt Nam là một trong ba quốc gia đứng đầu thế giới về xuất khẩu lúa gạo và Đồng bằng Sông Cửu Long được xem là vựa lúa số một của cả nước, đóng góp 90% sản lượng lúa gạo xuất khẩu của Việt Nam. Để giữ vững vị trí trên thị trường lúa gạo thế giới đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng, cùng với thách thức của biến đổi khí hậu đang diễn biến rất phức tạp thì đòi hỏi các nhà nghiên cứu phải tìm ra giống lúa mới có chất lượng tốt, năng suất cao và thích nghi với điều kiện canh tác. Thí nghiệm được thực hiện vào tháng 11 năm 2022 (vụ Đông Xuân 2022-2023) trên đồng ruộng tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Thí nghiệm bố trí tuần tự theo thứ tự dòng lai sử dụng các phương pháp phân tích chỉ tiêu nông học (thời gian sinh trưởng, chiều cao cây, chiều dài bông...), phân tích các thành phần năng suất lúa (số bông/bụi, số bông/m<sup>2</sup>, số hạt trên bông, số hạt chắc trên bông, khối lượng 1.000 hạt, năng suất...) của 278 dòng lúa phân ly thế hệ  $F_2$  thuộc tổ hợp lai (Lứt tím 10/Lứt tím 2) được ký hiệu TNN55. Kết quả đã tuyển chọn được 9 dòng ưu tú có đặc điểm nông học tốt có tiềm năng về năng suất: thời gian sinh trưởng thuộc nhóm ngắn ngày (90 ngày), chiều cao cây là 80-110 cm, độ thoát cỏ bông tốt trên 7 cm, chiều dài lá cờ lớn hơn 21 cm, số bông/bụi trên 10 bông, chiều dài bông lớn hơn hoặc bằng 21 cm, số hạt/bông từ 100- 200 hạt, khối lượng 1.000 hạt cao 25 g, khối lượng bụi cao trên 20 g. Tiếp tục trồng đánh giá chọn lọc những dòng lúa ưu tú ở thế hệ phân ly  $F_3$ .

**Từ khóa:** Nông học, năng suất,  $F_2$ , tổ hợp lai

Tên đề tài	Cải tiến đặc tính chiều cao và khối lượng 1000 hạt trên quần thể phân ly lúa nếp F <sub>2</sub> từ tổ hợp lai Nếp cẩm/B Lầu sáng của cây lúa <i>Oryza sativa</i> L.
Tên cán bộ hướng dẫn	ThS. Huỳnh Như Điền
Tên sinh viên thực hiện	Trần Hoàng Ni
Nội dung tóm lược	<p>Để có cơ sở phát triển lúa nếp ở khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long, việc thu thập các giống lúa nếp ở các địa phương khác nhau, tiến hành trồng thử nghiệm, đánh giá và lựa chọn được các giống có tiềm năng cho năng suất, chất lượng cao và có khả năng thích ứng rộng là hết sức cần thiết để đáp ứng nhu cầu sản xuất hiện nay. Mục tiêu nguyên cứu này Đề tài thực hiện nhằm cải thiện các dòng nếp về đặc tính khối lượng 1000 hạt và chiều cao cây của các dòng lúa nếp đồng thời có tiềm năng về năng suất cao. kết quả khảo sát và đánh giá đặc tính nông học của 76 dòng cây lai F<sub>2</sub> đã chọn được 14 dòng ưu tú với đặc điểm nổi bật như : chiều cao cây nằm trong khoảng lí tưởng từ 94-110 cm, Khối lượng 1000 hạt và khối lượng bụi &gt;25 gam. phù hợp cho việc chọn tạo giống lúa có tiềm năng cho năng suất cao và thích nghi trồng ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.</p>

Tên đề tài	Đặc điểm hình thái - nông học và kiểu gen chịu hạn của 29 giống lúa rẫy canh tác trong điều kiện nhà lưới
Tên sinh viên thực hiện + MSSV	Đỗ Thanh Thoảng, B2001231
Tên cán bộ hướng dẫn	PGS. TS. Huỳnh Kỳ
Nội dung tóm lược	<p>Hiện nay sự biến đổi khí hậu trên toàn cầu đã tạo nên các hiện tượng thời tiết cực đoan trong đó có hạn hán, đây là một trong những thách thức lớn đối với con người vì điều kiện tưới nước hạn chế sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái cây trồng trong đó có cây lương thực chính là cây lúa. Vì vậy nhu cầu về nguồn vật liệu để đưa vào bộ giống cho các nhà chọn tạo giống lúa sử dụng để chọn tạo nên các giống lúa chịu hạn là điều cần thiết. Đề tài được thực hiện với mục đích tìm ra các giống lúa rẫy cho năng suất, chất lượng lúa gạo tốt và có kiểu gen chống chịu hạn, cung cấp thêm nguồn gen lúa rẫy cho các nhà chọn tạo giống lúa nghiên cứu và phát triển các giống lúa mới thích ứng với biến đổi khí hậu.</p>

<b>Tên đề tài</b>	Cải tiến đặc tính hạt dài và hàm lượng amylose thấp trên cây lúa <i>Oryza Sativa</i> của tổ hợp lai NV24/SH44 ở thế hệ phân ly F <sub>2</sub> .
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Võ Thanh Nam B2008748
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	ThS. Huỳnh Như Điền
<b>Tóm tắt</b>	<p>Hiện nay, việc cải thiện và lai tạo các giống lúa mới cho năng suất cao, chất lượng gạo tốt, đáp ứng các yêu cầu về chất lượng gạo xuất khẩu và thị hiếu người tiêu dùng đang trở nên quan trọng đối với ngành hàng lúa gạo ở Việt Nam. Để đáp ứng nhu cầu đó đề tài nghiên cứu “Cải tiến đặc tính hạt dài và hàm lượng amylose thấp của tổ hợp lai NV24/SH44 ở thế hệ phân ly F<sub>2</sub>” đã thực hiện nhằm chọn ra dòng lúa ưu tú có hàm lượng amylose thấp, cải thiện hạt dài và năng suất cao. Thí nghiệm được trồng ngoài đồng vụ Đông Xuân 2022-2023 và bố trí tuần tự theo thứ tự dòng lai thuộc tổ hợp NV24/SH44 ở thế hệ phân ly F<sub>2</sub>. Sử dụng phương pháp đánh giá đặc tính hình thái và nông học (chiều cao cây, chiều dài lá cờ, chiều dài bông, số bông/bụi, số hạt/bông, khối lượng 1000 hạt, khối lượng bụi...), đánh giá chiều dài hạt, chiều rộng hạt, kích thước hạt theo IRRI (2013) và phân tích hàm lượng amylose. Hàm lượng amylose giao động từ 17,7%-23,5%. Giống lúa bố SH44 có hàm lượng amylose 23.88% (xếp loại trung bình) và mẹ NV24 thuộc nhóm amylose thấp 14.46%. Có 14 dòng lúa thuộc nhóm lúa có hàm lượng amylose thấp (dưới 20%). Chiều dài hạt lần lượt là 8,66mm (giống bố SH44) và 5,56mm (giống mẹ NV24). Tất cả 50 dòng lúa đều có chiều dài hạt lớn hơn hoặc bằng 7mm và hình dạng hạt gạo thuộc kiểu hạt gạo thon dài. Về đặc tính nông học đa số dòng lúa có: chiều cao cây trung bình tập chung từ 90cm -110cm, chiều dài bông trung bình tập chung từ 25cm – 28cm, chiều dài lá cờ trung bình tập chung từ 28cm – 43cm, độ thoát trổ trung bình tập chung từ 4cm – 7cm, số bông trên bụi trung bình tập chung từ 12 bông – 35 bông, tổng số hạt trung bình tập chung từ 155 hạt -210 hạt, số hạt chắc trung bình tập chung từ 120 hạt – 200 hạt, tỉ lệ hạt chắc trung bình tập chung từ 82,2% - 97,9%, khối lượng 1000 hạt trung bình tập chung từ 19g – 23 g, khối lượng bụi trung bình tập chung từ 31g – 80g. Những dòng lúa ưu tú có hạt dài, amylose thấp và đặc tính nông học tốt là: TNN73-5-11; TNN73-6-6; TNN73-11-7; TNN73-16-6; TNN73-28-7.</p>



1. Tên đề tài: Ảnh hưởng của phân hữu cơ kết hợp với phân hóa học đến khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng cải Wasabina (*Brassica rapa* L.)
2. Tên cán bộ hướng dẫn: TS. Quan Thị Ái Liên và PGS.TS Tất Anh Thư
3. Tên sinh viên thực hiện: Nguyễn Thanh Huy
4. Nội dung tóm lược: Đề tài thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của liều lượng phân hữu cơ và liều lượng phân bón hóa học đến khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng cải Wasabina (*Brassica rapa* L.). Thí nghiệm được trồng trên nền đất cát trong điều kiện nhà màng tại Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên, hai nhân tố, 8 tổ hợp phân và 3 lần lặp lại. Nhân tố thứ nhất (A) là 2 mức độ phân bón hóa học (100%NPK: 100kgN-60kgP<sub>2</sub>O<sub>5</sub>-80kgK<sub>2</sub>O và 70%NPK: 70kgN-42kgP<sub>2</sub>O<sub>5</sub>-56kgK<sub>2</sub>O/ha). Nhân tố thứ 2 (B) là 4 mức độ phân hữu cơ gà (0 tấn/ha, 1 tấn/ha, 2 tấn/ha và 3 tấn/ha). Kết quả thí nghiệm cho thấy, các chỉ tiêu sinh trưởng (chiều cao cây, số lá/cây, chỉ số diệp lục tố, đường kính gốc thân), các chỉ tiêu ảnh hưởng đến năng suất (chiều dài lá, khối lượng trung bình cây, năng suất) và các chỉ tiêu ảnh hưởng đến chất lượng cải (hàm lượng nitrate, độ Brix và hàm lượng nước trong cải) ở mức bón 100%NPK đạt kết quả cao hơn so với mức bón 70%NPK. Tương tự, việc bổ sung phân hữu cơ gà ở mức bón 3 tấn/ha đã giúp gia tăng các chỉ tiêu sinh trưởng, năng suất và chất lượng cải đạt cao hơn so với mức không bón phân hữu cơ gà. Kết quả phân tích mối tương tác giữa liều lượng phân hóa học và phân hữu cơ gà cho thấy có sự thay đổi đến sinh trưởng, năng suất cải wasabina ở mức bón 100%NPK kết hợp với 3 tấn phân hữu cơ gà cho kết quả cao hơn mức bón 70%NPK và không bón phân hữu cơ gà và góp phần làm giảm hàm lượng nitrate, tăng độ Brix trong cải và từ đó giúp gia tăng chất lượng cải.

<b>Tên đề tài</b>	Khảo sát thành phần năng suất quần thể F <sub>3</sub> của tổ hợp lai JASMINE85/ST25
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Bùi Nguyễn Ngọc Dung B2001244
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	PGS.TS Huỳnh Kỳ
<b>Tóm tắt</b>	Đánh giá hiệu quả chọn lọc các chỉ tiêu liên quan đến thành phần năng suất kết hợp với đánh giá chỉ tiêu nông học (chiều cao cây, chiều dài bông, thời gian sinh trưởng, chiều dài lá cờ, độ thoát cỏ bông, tỷ lệ hạt chắc/bông, tổng số hạt/bông, khối lượng 1000 hạt) của 24 dòng con lai F <sub>3</sub> từ tổ hợp lai JASMINE85/ST25, để chọn được một số dòng con lai F <sub>3</sub> có đặc tính nông học tốt có tiềm năng tăng năng suất.

<b>Tên đề tài</b>	Ảnh hưởng của phân hữu cơ lên sinh trưởng, năng suất và chất lượng của hai giống cải Kale hoa hồng (Brassica oleracea)
<b>Tên sinh viên thực hiện + MSSV</b>	Trịnh Thị Thảo Nguyễn + B2001226
<b>Tên cán bộ hướng dẫn</b>	TS. Quan Thị Ái Liên PGS.TS Tất Anh Thư
<b>Tóm tắt</b>	Nhằm xác định liều lượng của phân hữu cơ đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng của hai giống cải Kale hoa hồng, Được thực hiện trong chậu trong điều kiện nhà lưới, vào vụ hè thu năm 2022. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên 2 nhân tố và 3 lặp lại. Nhân tố thứ nhất (A) là 2 giống cải Kale (Kale hoa hồng lá xanh tròn và Kale hoa hồng lá tím xoăn), nhân tố thứ hai (B) là liều lượng phân bón hữu cơ gà (0, 1, 2 và 3 tấn/ha).

- Tên đề tài:** ẢNH HƯỞNG CỦA PHÂN BÓN NPK KẾT HỢP PHÂN HỮU CƠ ĐẾN SỰ SINH TRƯỞNG, NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG CỦA CÂY ĐẬU Đũa Lùn (*Dolichos sesquipedalis* L.)
- Tên cán bộ hướng dẫn:** TS. Quan Thị Ái Liên PGS.TS Tất Anh Thu
- Tên sinh viên thực hiện:** Ngô Huỳnh Thảo Tú
- Nội dung tóm lược:** Thí nghiệm được bố trí tại khu trại thực nghiệm khoa Khoa học Đất Trường Nông Nghiệp – Đại học Cần Thơ. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên, thời điểm bố trí cuối tháng 12/2023 đến giữa tháng 02/2024 gồm có hai nhân tố, 9 tổ hợp phân và 3 lần lặp lại, mỗi lần lặp lại có 3 cây. Nhân tố (A) là 3 mức độ phân bón hóa học 144 kgN - 126 kgP<sub>2</sub>O<sub>5</sub>- 100 kgK<sub>2</sub>O/ha (100%NPK), 100,8 kgN - 88,2 kgP<sub>2</sub>O<sub>5</sub> - 70 kgK<sub>2</sub>O/ha (70%NPK), 72 kgN - 63 kgP<sub>2</sub>O<sub>5</sub> - 50kgK<sub>2</sub>O/ha (50%NPK). Nhân tố (B) là 3 mức độ phân hữu cơ (0 tấn/ha, 1 tấn/ha và 2 tấn/ha phân hữu cơ). Kết quả theo dõi ảnh hưởng của liều lượng phân hóa học và phân hữu cơ gà đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng đậu đũa lùn đã ghi nhận được số nhánh, chiều cao cây, số trái và năng suất trái đạt cao nhất ở mức bón 100% phân hoá học và 2 tấn phân hữu cơ gà, thấp nhất ở mức bón 50% phân hoá học và không bón phân hữu cơ gà. Có mối tương quan liều lượng phân hóa học và phân hữu cơ gà đến sinh trưởng, thành phần năng suất và năng suất trái. Kết quả theo dõi ảnh hưởng của thời gian thu hoạch đến năng suất của cây đậu đũa lùn cũng đã ghi nhận được năng suất của đậu đũa lùn khi thu vào 45 ngày sau khi trồng cao hơn năng suất của đậu đũa lùn được thu vào 30 ngày sau khi trồng và năng suất đạt cao nhất ở nghiệm thức bón 100% phân hóa học và 2 tấn/ha phân hữu cơ gà.